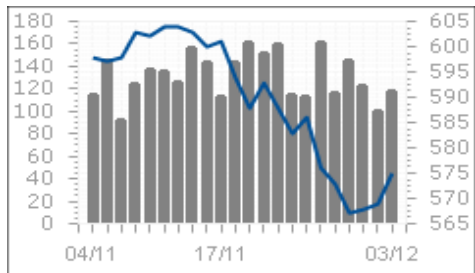


## HOSE 03/12/2014

VNINDEX	574.88	5.46	0.96%
KLGD	119,136,054	CP	
GTGD	2,087.50	Tỷ	
GTR NDTNN	-	39.29	Tỷ
CP Tăng giá	154	CP	
CP Giảm giá	66	CP	
CP Đứng giá	84	CP	

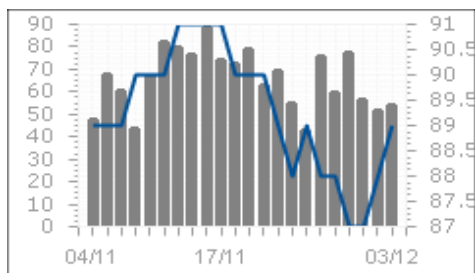


## Tâm điểm

- ▶ **Gia tăng tỷ trọng nắm giữ cổ phiếu**
- ▶ **Khối lượng gia tăng dần vào cuối phiên**  
 NĐT Nước ngoài tiếp tục bán ròng trên HOSE mua ròng nhẹ HNX
- ▶ **World Bank nâng dự báo tăng trưởng GDP 2014 của Việt Nam lên 5.6%**  
 WB dự báo tăng trưởng kinh tế 2014 của Việt Nam từ 5.4% lên 5.6%  
 Reuters
- ▶ **Tăng trưởng tín dụng đến 27/11 đạt 10,23%**  
 Phiên họp Chính phủ thường kỳ T11/2014, tăng trưởng tín dụng được cải thiện  
 DVO
- ▶ **ECB và hy vọng về gói QE kiểu Mỹ**  
 ECB sẽ tạo cú sốc mới với tuyên bố triển khai gói nới lỏng định lượng kiểu Mỹ  
 DVO
- ▶ **Thaco 10 tháng bán gần 33.000 xe, tăng 50% so với cùng kỳ năm trước**  
 Thaco cho biết, doanh số tháng 10 đạt 4.201 xe, chiếm 31,5% thị phần  
 DVO
- ▶ **Lợi nhuận của SAM có thể không đủ trả cổ tức**  
 SAM có thể chỉ đạt khoảng 50% kế hoạch lợi nhuận trước thuế  
 Vietstock

## HNX 03/12/2014

HNXINDEX	88.57	0.72	0.81%
KLGD	54,627,314	CP	
GTGD	735.52	Tỷ	
GTR NDTNN	14.14	Tỷ	
CP Tăng giá	127	CP	
CP Giảm giá	77	CP	
CP Đứng giá	175	CP	



## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	1,026,090	13.9	2.8	18.3%	9.7%
HNX	145,829	14.1	1.8	8.8%	4.3%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,171,919</b>	<b>14.3</b>	<b>2.8</b>	<b>18.2%</b>	<b>9.2%</b>

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo ngành</b>					
Nhựa, cao su & sợi	7,149	6.9	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	22,187	9.6	1.6	17.0%	10.5%
Khai khoáng	38,185	13.1	2.0	22.1%	10.6%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,547	90.0	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng	25,302	13.8	1.5	13.8%	7.7%
Máy công nghiệp	33,215	32.4	1.2	-0.4%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,511	8.7	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	10,969	8.7	1.5	18.4%	13.4%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,346	10.7	2.8	25.5%	11.1%
Thực phẩm	23,452	11.0	2.0	21.6%	7.4%
Dược phẩm	187,104	23.8	4.5	18.8%	14.6%
Phần mềm	15,728	12.5	2.8	22.3%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	16,717	10.0	2.1	21.7%	8.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	28,743	9.9	1.5	15.6%	7.4%
Bảo hiểm nhân thọ	169,491	13.9	4.5	32.4%	21.9%
Môi giới chứng khoán	25,858	20.6	2.2	10.4%	2.2%
Ngân hàng	28,776	12.3	1.6	11.2%	7.7%
Bất động sản	237,502	11.2	1.2	10.3%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	168,409	16.5	2.7	18.2%	4.6%
	41,322	9.3	2.0	21.9%	9.2%

## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	619.29	5.72	0.93%
HNX30	177.54	2.08	1.19%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**World Bank nâng dự báo tăng trưởng GDP 2014 của Việt Nam lên 5.6%**

**Tăng trưởng tín dụng đến 27/11 đạt 10,23%**

**ECB và hy vọng về gói QE kiểu Mỹ**

Trịnh Thị Thu Phương

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**Thaco 10 tháng bán gần 33.000 xe, tăng 50% so với cùng kỳ năm trước**

**Lợi nhuận của SAM có thể không đủ trả cổ tức**

**DQC: Lợi nhuận trước thuế có thể tăng 63% so với năm trước**

## ► Tin kinh tế

Theo Reuters, Ngân hàng Thế giới (World Bank) vừa nâng dự báo tăng trưởng kinh tế 2014 của Việt Nam từ 5.4% lên 5.6% vào ngày thứ Tư sau khi Chính phủ kỳ vọng nền kinh tế sẽ tăng tốc trong năm nay. Sự điều chỉnh này là một phần trong báo cáo được World Bank công bố định kỳ 2 lần/năm nhằm đánh giá lại tình hình kinh tế của Việt Nam trước khi diễn ra cuộc họp giữa các nhà tài trợ và Chính phủ vào ngày thứ Sáu. Hôm thứ Ba (02/12), Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cho biết tăng trưởng kinh tế năm nay có thể đạt hơn 5.9% nhờ lĩnh vực xuất khẩu, cao hơn so mức 5.42% trong năm 2013.

Theo phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11/2014, tăng trưởng tín dụng tiếp tục cải thiện, đến 27/11 tăng 10,22%. Số liệu được Vụ tín dụng Ngân hàng Nhà nước đưa ra trước đó, tính đến 31/10/2014, tín dụng toàn hệ thống đối với nền kinh tế tăng 8,63% so với cuối năm 2013. Như vậy, chưa tới 1 tháng, tín dụng toàn hệ thống tăng 1,59%. Tại phiên họp thường kỳ tháng này, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Nguyễn Văn Bình cho biết, năm nay tăng trưởng tín dụng có khả năng đạt 13%, nằm trong mục tiêu đề ra là từ 12-14%. Nếu đạt mục con số 13%, tăng trưởng tín dụng trong tháng 12/2014 sẽ đạt hơn gần 3,8%. Thủ tướng yêu cầu Ngân hàng Nhà nước khẩn trương trình cơ chế mới để nâng cao năng lực xử lý nợ xấu của VAMC và tiếp tục xử lý các ngân hàng yếu kém.

Tối nay 3/12 (giờ Việt Nam), Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) sẽ công bố quyết sách tháng 12. Thị trường đang đồn đoán rằng, ECB sẽ tạo cú sốc mới với tuyên bố triển khai gói nới lỏng định lượng (QE) kiểu Mỹ hay chương trình mua trái phiếu chính phủ sau khi chủ tịch Mario Draghi tuyên bố sẽ nỗ lực hết sức để thúc đẩy tỷ lệ lạm phát tăng nhanh nhất có thể. Nhiều chuyên gia cho rằng, khả năng ECB triển khai gói QE là rất thấp bởi các nhà hoạch định chính sách có những quan điểm đối lập nhau trong vấn đề này. Tuy nhiên, trong cuộc họp chính sách tối nay, khả năng mở rộng quy mô chương trình mua trái phiếu có lẽ vẫn là chủ đề bàn luận chính của các nhà hoạch định chính sách.

## ► Tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải - Thaco cho biết, doanh số tháng 10 đạt 4.201 xe, chiếm 31,5% thị phần Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA). Tổng doanh số của Thaco trong 10 tháng là 32.955 xe, tăng 50% so với cùng kỳ năm 2013 (21.998 xe), chiếm 31,8% thị phần VAMA. Với kết quả này, Thaco vẫn tiếp tục dẫn đầu về doanh số trong tháng 10/2014 và cả 10 tháng đầu năm 2014 trong thị phần VAMA. Theo báo cáo của VAMA, tháng 10/2014, doanh số của các thành viên thuộc VAMA đạt 13.324 xe, tăng 3% so với tháng 9. Tính chung 10 tháng đầu năm 2014, tổng doanh số đạt 103.432 xe, tăng 37% so với cùng kỳ năm 2013.

Ông Nguyễn Văn Trường, Kế toán trưởng CTCP Đầu tư và Phát triển Sacom (HOSE: Mã SAM) cho biết, năm nay, SAM có thể chỉ đạt khoảng 50% kế hoạch lợi nhuận trước thuế. Như vậy, việc thực hiện kế hoạch trả cổ tức 8% bằng tiền mặt là không khả thi. 9 tháng đầu năm, SAM đạt 1.144 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 54%, nhưng lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 44 tỷ đồng, giảm 52% so với cùng kỳ năm trước. Dự kiến cả năm, Công ty có thể đạt được kế hoạch doanh thu 1.243 tỷ đồng. Trong quý IV, Công ty ước đạt 20 tỷ đồng lợi nhuận. Lý do lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra là do tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu giảm mạnh trước áp lực cạnh tranh trong kinh doanh cáp viễn thông. Ngoài các nhà cung cấp trong nước, SAM còn bị cạnh tranh từ các doanh nghiệp Trung Quốc, Hàn Quốc, làm giảm giá bán, lợi nhuận sụt giảm.

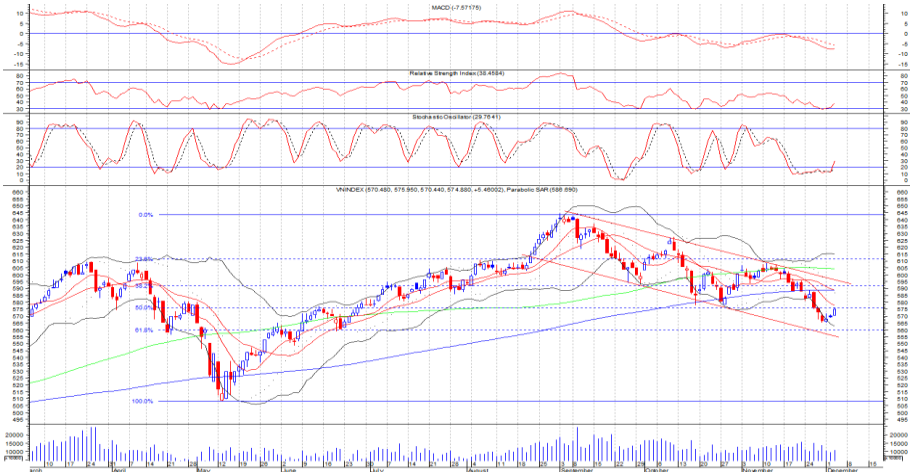
Năm 2014, SSI Research ước tính doanh thu và lợi nhuận trước thuế sẽ đạt 1.250 tỷ đồng (tăng 55% so với năm trước) và 267 tỷ đồng (tăng 63% so với năm trước), tương ứng EPS đạt 9.526 đồng. Kết quả kinh doanh quý 3/2014 tích cực nhờ tăng trưởng doanh thu mạnh. CTCP Bóng Đèn Điện Quang (HOSE: Mã DQC) công bố kết quả kinh doanh quý 3/2014 với 415 tỷ đồng doanh thu (tăng 187% so với cùng kỳ) và 134 tỷ đồng lợi nhuận (tăng 202% so với cùng kỳ). Tương tự như 6 tháng đầu năm 2014, tăng trưởng doanh thu nhờ vào thị trường trong nước và xuất khẩu.

**HOSE** 03/12/2014 VNINDEX 574.88 5.46 0.96% 119,136,054 CP 2,087.50 bil VND

### Gia tăng tỷ trọng nắm giữ cổ phiếu

VN-Index tăng 5.45 điểm (+0.96%), đóng cửa tại mức 574.88 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến dài vừa phải, VN-Index tiếp tục hồi phục khá tốt.

- MACD quay đầu gia tăng trở lại, đây là tín hiệu khá tích cực.
- Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua, đồng thời bật phá ra khỏi vùng quá bán.
- RSI (14) tiếp tục cải thiện và tăng lên mốc 38.
- Các chỉ báo kỹ thuật đều đang đồng thời cho tín hiệu mua trở lại, đây là điều rất tích cực.



### HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0 (0.0%)	12,179,580
PVT	0.5 (2.9%)	7,846,130
ITA	0 (0.0%)	4,715,470
VHG	-0.2 (-1.4%)	4,510,250
OGC	-0.1 (-1.2%)	4,241,200

### HOSE Top 5 theo % tăng

LGL	0.5 (6.8%)	117,830
SFG	1.4 (6.8%)	1,014,530
HOT	1.5 (6.8%)	50
EIB	0.8 (6.8%)	2,696,530
HDG	2 (6.8%)	273,920

### HOSE Top 5 theo % giảm

ACC	-2.1 (-6.9%)	540
KAC	-1 (-6.8%)	3,690
LGC	-2.2 (-6.6%)	83,030
APC	-1.4 (-6.3%)	164,350
HAX	-0.6 (-6.1%)	1,870

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HPG	27,0 tỷ	531,960
VHC	8,8 tỷ	222,880
VCB	4,8 tỷ	168,540
PET	4,5 tỷ	184,530
HDG	3,9 tỷ	123,650

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-41,3 tỷ	853,400
HAG	-20,2 tỷ	831,740
KDC	-19,3 tỷ	369,100
PVD	-12,8 tỷ	168,010
VIP	-10,3 tỷ	613,830

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-1,151,930	- 39.29

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục giữ đà phục hồi khá tốt, lực cầu gia tăng dần về cuối phiên, đà tăng cũng vì thế mà mở rộng. VN-Index duy trì sắc xanh và đóng cửa ở mức cao trong phiên.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 111 triệu cổ phiếu. Thanh khoản gia tăng dần cùng với sự gia tăng của chỉ số Index là một tín hiệu rất tích cực.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 39 tỷ. Khối ngoại vẫn duy trì đà bán ròng, tuy nhiên lực bán đang có xu hướng giảm dần.
- ▶ VN-Index tiếp tục hồi phục với sự gia tăng dần của thanh khoản. Chúng tôi kỳ vọng chỉ số này sẽ thiết lập lại vùng 600 điểm.
- ▶ NĐT tiếp tục nâng tỷ trọng cổ phiếu. Tập trung vào nhóm cổ phiếu Bất động sản có yếu tố cơ bản và nhóm cổ phiếu đã điều chỉnh sâu trong nhịp vừa rồi.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	87.5	165,812.50	14.1	4.6	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	100.0	100,011.86	17.1	5.5	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	28.7	76,486.08	16.3	1.7	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	48.3	70,255.01	18.1	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	80.5	59,232.56	- 465.7	4.1	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.0	52,127.66	9.6	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	13.1	36,826.75	8.3	1.2	13.6%	0.8%
HPG	481.9	55.0	26,504.95	8.2	2.3	30.2%	14.7%
BVH	680.5	37.3	25,381.58	20.6	2.2	10.4%	2.2%
PVD	303.0	76.5	23,182.32	9.6	2.1	22.6%	10.8%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

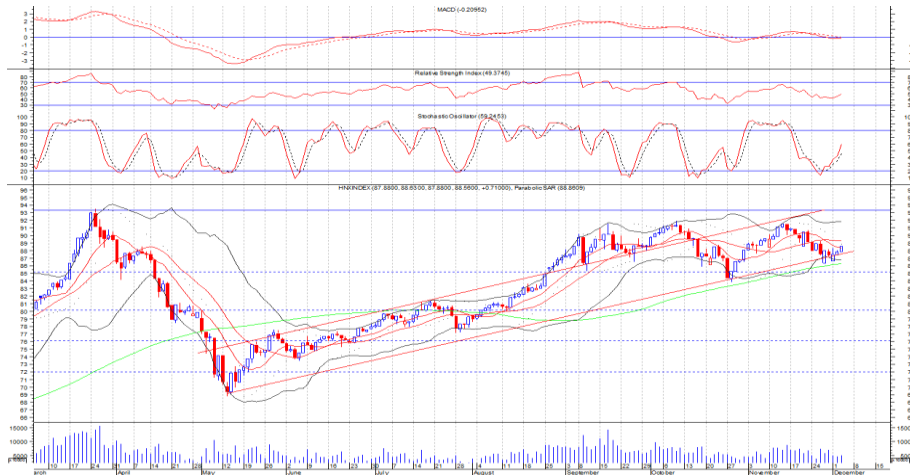
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TDC	100.0	11.6	1,160.00	6.9	1.1	NA	TH.DOI
SJS	99.0	26.2	2,594.90	35.2	1.6	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.6	2,264.33	6.9	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	72.0	3,274.45	9.1	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.7	650.03	5.4	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	21.6	596.38	1.9	0.9	NA	TH.DOI

**HNX** 03/12/2014 HNX-Index 88.57 0.72 0.81% 54,627,314 CP 735.52 bil. VND

### Gia tăng tỷ trọng nắm giữ cổ phiếu

Chỉ số HNX-Index tăng 0.72 điểm (+0.81%), đóng cửa tại mốc 88.57 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến vừa phải, HNX-Index tiếp tục phục hồi khá tốt ở phiên hôm nay.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng rất tốt.
- MACD dừng đà giảm và đi ngang, nhiều khả năng MACD sắp cho tín hiệu mua trở lại.
- RSI (14) tăng tích cực về mốc 49.
- HNX-Index vẫn chưa phá vỡ kênh giá tăng điểm từ tháng 5 đến nay.



### HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	KLGD (%)	KLGD (tỷ)
KLF	0.1 (0.8%)	6,839,840
SCR	0.2 (1.9%)	4,594,000
VGS	0.4 (5.1%)	3,400,880
PVX	0.1 (1.6%)	2,468,810
SHB	0.1 (1.2%)	2,202,410

### HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá (tỷ)
KSD	0.6 (10.0%)	842,400
L14	2.3 (10.0%)	29,880
L43	0.6 (10.0%)	100
VTH	1.7 (10.0%)	51,500
ITQ	4.4 (10.0%)	333,390

### HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá (tỷ)
BAM	-0.9 (-9.8%)	946,600
ADC	-2.8 (-9.7%)	100
VC1	-1.9 (-9.7%)	11,400
SDC	-1.5 (-9.7%)	150
D11	-1.2 (-9.0%)	2,500

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Mua ròng (tỷ)	Giá (tỷ)
PVS	8,1	233,400
SHS	5,6	461,600
TNG	4,1	145,800
BVS	1,4	95,000
SHB	0,9	100,000

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Bán ròng (tỷ)	Giá (tỷ)
AAA	-4,1	228,400
LAS	-2,5	75,140
KSQ	-0,4	59,900
ASA	-0,3	25,000
HNM	-0,2	15,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	736,550	14.14

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục giữ đà phục hồi khá tốt, lực cầu gia tăng dần về cuối phiên, đà tăng cũng vì thế mà mở rộng. HNX-Index duy trì sắc xanh và đóng cửa ở mức cao trong phiên.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 52 triệu cổ phiếu. Thanh khoản gia tăng dần cùng với sự tăng của chỉ số Index là một tín hiệu rất tích cực.
- ▶ Khối ngoại mua ròng trở lại với giá trị 14 tỷ. Đây là dấu hiệu rất tích cực của khối ngoại, khi lực mua tập trung nhiều ở mã PVS, SHS
- ▶ VN-Index tiếp tục hồi phục với sự gia tăng dần của thanh khoản. Chúng tôi kỳ vọng chỉ số này sẽ thiết lập lại vùng 91 - 92 điểm.
- ▶ NĐT tiếp tục nâng tỷ trọng cổ phiếu. Tập trung vào nhóm cổ phiếu Bất động sản có yếu tố cơ bản và nhóm cổ phiếu đã điều chỉnh sâu trong nhịp vừa rồi.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	34.6	15,455.83	9.3	1.8	19.6%	6.6%
ACB	909.8	15.2	13,828.66	25.4	1.1	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	9.4	0.7	7.7%	0.6%
VCG	441.7	14.1	6,228.12	9.3	1.1	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	18.1	4,075.36	12.9	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	50.0	2,816.96	7.1	2.1	23.4%	14.9%
VNR	131.1	21.0	2,752.59	8.6	1.1	12.8%	5.4%
LAS	77.8	34.6	2,692.99	6.9	1.9	25.6%	14.6%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	33.5	1,273.00	7.9	1.3	NA	TH.DOI
AAA	39.6	17.8	704.88	6.7	1.3	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.4	2,076.98	11.1	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	50.0	2,816.96	7.1	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	32.1	1,605.00	8.0	1.8	NA	TH.DOI
DXP	7.9	41.5	326.81	7.1	1.3	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	15.22%	80.5	- 465.65	4.13	120,251	151,611	188,189
VIC	HOSE	1,454.6	70,255.01	12.53%	48.3	18.13	3.83	928,821	1,048,089	1,789,922
PVD	HOSE	303.0	23,182.32	11.71%	76.5	9.55	2.07	965,936	660,076	644,103
HPG	HOSE	481.9	26,504.95	11.57%	55.0	8.23	2.27	507,896	418,127	605,781
HAG	HOSE	789.9	19,115.56	7.45%	24.2	10.12	1.31	2,750,014	3,322,138	3,759,499
KDC	HOSE	255.2	13,395.96	7.00%	52.5	21.18	1.94	1,118,894	1,385,145	965,185
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	5.69%	18.5	8.63	1.19	238,915	230,820	390,200
VCB	HOSE	2,665.0	76,486.08	5.16%	28.7	16.29	1.73	339,864	259,121	383,102
DPM	HOSE	379.9	11,891.94	4.04%	31.3	9.84	1.28	783,354	551,258	693,257
KBC	HOSE	389.8	6,392.07	2.83%	16.4	15.35	1.24	3,300,335	4,494,100	4,990,929
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	2.64%	8.8	51.81	0.80	5,799,000	6,024,764	6,776,998
HSG	HOSE	96.3	4,719.34	1.95%	49.0	11.60	2.00	103,552	158,257	314,097
BVH	HOSE	680.5	25,381.58	1.83%	37.3	20.57	2.16	224,348	200,311	262,433
HVG	HOSE	132.0	4,184.39	1.55%	31.7	14.17	1.71	976,189	1,312,195	1,854,701
FLC	HOSE	314.9	3,621.28	1.53%	11.5	6.75	0.95	25,765,859	21,759,694	16,888,400
PPC	HOSE	318.2	8,112.94	1.47%	25.5	11.01	1.49	159,484	184,747	467,882
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	1.41%	55.5	13.34	3.22	78,526	65,952	140,192
PVT	HOSE	255.9	4,579.85	1.37%	17.9	15.07	1.46	2,233,756	2,184,920	2,250,757
CSM	HOSE	67.3	2,933.93	1.32%	43.6	8.37	2.29	82,258	80,810	189,796
VSH	HOSE	206.2	2,887.38	1.16%	14.0	20.14	1.09	371,930	423,687	500,103
OGC	HOSE	300.0	2,430.00	0.56%	8.1	14.27	0.76	5,869,336	6,071,954	5,507,939

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	8.46%	80.5	- 465.65	4.13	120,251	151,611	188,189
VIC	HOSE	1,454.6	70,255.01	7.72%	48.3	18.13	3.83	928,821	1,048,089	1,789,922
VCB	HOSE	2,665.0	76,486.08	7.14%	28.7	16.29	1.73	339,864	259,121	383,102
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	6.63%	18.5	8.63	1.19	238,915	230,820	390,200
PVS	HNX	446.7	15,455.83	5.62%	34.6	9.26	1.77	2,441,983	1,857,409	3,163,822
BVH	HOSE	680.5	25,381.58	4.52%	37.3	20.57	2.16	224,348	200,311	262,433
DPM	HOSE	379.9	11,891.94	4.24%	31.3	9.84	1.28	783,354	551,258	693,257
HAG	HOSE	789.9	19,115.56	4.00%	24.2	10.12	1.31	2,750,014	3,322,138	3,759,499
PVD	HOSE	303.0	23,182.32	3.86%	76.5	9.55	2.07	965,936	660,076	644,103
PPC	HOSE	318.2	8,112.94	3.10%	25.5	11.01	1.49	159,484	184,747	467,882
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	3.19%	8.8	51.81	0.80	5,799,000	6,024,764	6,776,998
FLC	HOSE	314.9	3,621.28	2.90%	11.5	6.75	0.95	25,765,859	21,759,694	16,888,400
SHB	HNX	886.1	7,708.93	2.59%	8.7	9.42	0.74	2,353,664	2,341,346	4,085,103
VCG	HNX	441.7	6,228.12	2.08%	14.1	9.29	1.09	1,663,540	1,507,261	1,607,659
PVT	HOSE	255.9	4,579.85	1.76%	17.9	15.07	1.46	2,233,756	2,184,920	2,250,757
OGC	HOSE	300.0	2,430.00	1.50%	8.1	14.27	0.76	5,869,336	6,071,954	5,507,939
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	1.02%	55.5	13.34	3.22	78,526	65,952	140,192
IJC	HOSE	274.2	3,729.05	0.64%	13.6	21.85	1.28	348,635	486,676	916,115
PVX	HNX	400.0	2,520.00	0.00%	6.3	- 2.71	2.69	5,206,553	5,828,691	7,862,908

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	70,255.01	0.00%	48.3	18.13	3.83	928,821	1,048,089	1,789,922
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	0.00%	80.5	-465.65	4.13	120,251	151,611	188,189
DPM	HOSE	379.9	11,891.94	0.00%	31.3	9.84	1.28	783,354	551,258	693,257
HAG	HOSE	789.9	19,115.56	0.00%	24.2	10.12	1.31	2,750,014	3,322,138	3,759,499
VCB	HOSE	2,665.0	76,486.08	0.00%	28.7	16.29	1.73	339,864	259,121	383,102
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.00%	18.5	8.63	1.19	238,915	230,820	390,200
BVH	HOSE	680.5	25,381.58	0.00%	37.3	20.57	2.16	224,348	200,311	262,433
CTG	HOSE	3,723.4	52,127.66	0.00%	14.0	9.60	0.95	145,462	140,180	282,472
GAS	HOSE	1,895.0	165,812.50	0.00%	87.5	14.13	4.61	589,101	432,446	426,831

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	4.01%	80.5	-465.65	4.13	120,251	151,611	188,189
VIC	HOSE	1,454.6	70,255.01	2.27%	48.3	18.13	3.83	928,821	1,048,089	1,789,922
PVD	HOSE	303.0	23,182.32	4.39%	76.5	9.55	2.07	965,936	660,076	644,103
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.89%	18.5	8.63	1.19	238,915	230,820	390,200
VCB	HOSE	2,665.0	76,486.08	1.28%	28.7	16.29	1.73	339,864	259,121	383,102
BVH	HOSE	680.5	25,381.58	1.79%	37.3	20.57	2.16	224,348	200,311	262,433

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

03 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,149	6.9	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,187	9.6	1.6	17.0%	10.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,974	15.7	1.0	5.6%	2.2%
Sản xuất giấy	897	6.6	1.0	14.0%	7.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,185	13.1	2.0	22.1%	10.6%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,976	3.6	1.0	22.0%	5.2%
Khai khoáng	12,547	90.0	6.2	-4.1%	-3.4%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,302	13.8	1.5	13.8%	7.7%
Xây dựng	33,215	32.4	1.2	-0.4%	2.2%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,220	9.6	1.1	15.6%	7.8%
Công nghiệp phức hợp	1,151	7.6	1.2	16.7%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,487	8.1	1.0	11.9%	5.6%
Thiết bị điện	2,233	34.6	1.4	2.5%	0.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	65	21.3	0.9	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,511	8.7	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,865	3.5	1.1	5.2%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,969	8.7	1.5	18.4%	13.4%
Dịch vụ vận tải	7,038	7.6	1.6	23.1%	13.1%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,869	11.7	1.9	15.8%	10.5%
Đào tạo & Việc làm	254	13.2	0.8	6.8%	2.5%
Nhà cung cấp thiết bị	203	9.3	0.9	12.2%	4.9%
Chất thải & Môi trường	213	3.2	1.0	34.0%	15.7%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,408	14.4	1.4	14.6%	7.2%
Lốp xe	8,346	10.7	2.8	25.5%	11.1%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,700	7.5	1.3	17.9%	9.5%
Vang & Rượu mạnh	329	16.6	2.2	14.9%	10.0%
Đồ uống & giải khát	225	6.3	1.1	14.7%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,452	11.0	2.0	21.6%	7.4%
Thực phẩm	187,104	23.8	4.5	18.8%	14.6%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	72	20.3	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	3,167	8.7	1.6	19.8%	9.3%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	567	68.4	1.5	2.4%	1.7%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,709	8.7	1.7	19.5%	7.6%
Giày dép	12	1.7	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,330	10.7	2.0	18.5%	9.5%
Thuốc lá					
Thuốc lá	717	10.3	1.1	0.9%	4.5%

03 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	2,025	9.6	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	168	3.5	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	267	11.4	1.6	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,728	12.5	2.8	22.3%	14.8%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	266	- 42.3	0.9	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	757	10.5	1.3	13.8%	8.2%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,060	10.6	1.8	18.5%	3.6%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,145	9.4	1.0	10.4%	6.7%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,675	55.6	2.5	4.0%	2.3%
Dịch vụ giải trí	4,030	20.9	1.5	9.5%	7.8%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,699	18.2	3.5	23.5%	20.2%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	756	11.3	0.9	8.8%	3.3%
Internet	392	82.7	1.0	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,717	10.0	2.1	21.7%	8.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	482	16.4	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	297	5.7	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	12,256	32.6	6.0	32.9%	11.1%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	28,743	9.9	1.5	15.6%	7.4%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	169,491	13.9	4.5	32.4%	21.9%
Nước	1,220	6.5	1.1	17.0%	11.7%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,477	8.8	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,851	11.7	0.7	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,739	8.6	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,858	20.6	2.2	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,699	15.5	1.0	5.3%	1.6%
Môi giới chứng khoán	28,776	12.3	1.6	11.2%	7.7%
Ngân hàng					
Ngân hàng	237,502	11.2	1.2	10.3%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	168,409	16.5	2.7	18.2%	4.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	10	2.5	0.7	32.7%	12.3%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	41,322	9.3	2.0	21.9%	9.2%



- ▶ **Nguyễn Hữu Quang**      **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**  
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương**      thuphuong@vietinbanksc.com.vn  
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng**      hangnnt@vietinbanksc.com.vn  
- Ngân hàng  
- Dược phẩm  
- Phân bón  
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc**      sacnq@vietinbanksc.com.vn  
- Phân tích kỹ thuật  
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt**      nguyetva@vietinbanksc.com.vn  
- Cao su  
- Thủy sản  
- Dệt may  
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.